

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **17/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 19/08/2019

*Tranh chấp V/v Kiện xin ly hôn và
nuôi con sau khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thế Hưng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Minh.

2. Ông Đào Xuân Tím.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 08 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2019 về việc “*Kiện xin ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Tr; sinh năm 1987; ĐKKHKT và cư trú tại: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương- *Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

2. *Bị đơn:* chị Đào Thị T, sinh năm 1990; ĐKKHKT: thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương – *Vắng mặt tại phiên tòa, không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07/12/2017, biên bản lấy lời khai, hòa giải nguyên đơn – anh Nguyễn Văn Tr trình bày: Anh và chị Đào Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương ngày 26/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính

tình không hợp, chị không chịu làm ăn, thích chơi bời, anh đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng chị không nghe, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên giải, nhưng không được, do chị không có gì thay đổi. Từ khoảng tháng 01/2018, chị bỏ về nhà bố mẹ ở xã A, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa xử cho anh được ly hôn chị.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 05/02/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 13/10/2015, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh đề nghị được tiếp tục nuôi các con, không yêu cầu chị phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn, chị Đào Thị T: Mặc dù, Tòa đã nhiều lần triệu tập, nhưng chị đều cố ý trốn tránh, vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tìm đến nhà bố mẹ đẻ chị tại xã A, Kinh Môn, nhưng chị cố ý trốn tránh, không ký biên bản làm việc. Quá trình xác minh tại chính quyền xã T và A đã thể hiện chị T bỏ đi khỏi xã T, nhưng không khai báo tạm vắng, sau đó về sống tại nhà bố mẹ đẻ của chị tại xã A, Kinh Môn vào khoảng tháng 01/2018, (sau khi Tòa đã thụ lý việc anh xin ly hôn chị) nhưng không khai báo, tạm trú. Tuy nhiên, theo cung cấp của xã A, vào khoảng tháng 02/2018 chị có tới UBND xã A để xin xác nhận nhân sự để đi lao động, nhưng địa phương không xác nhận do việc chị không thực hiện đúng quy định của luật cư trú.

Bổ để chị là ông Đào Văn M cung cấp: Anh Tr, chị T lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện vào năm 2009. Sau khi cưới, chị T về quê chồng sinh sống tại xã T, Kim Thành, Hải Dương. Vợ chồng sống hạnh phúc đến giữa năm 2017, thì xảy ra mâu thuẫn, do chị phát hiện anh có biểu hiện chơi cờ bạc, trai gái. Hai bên gia đình đã gặp gỡ, dàn xếp, động viên, hòa giải, nhưng anh Tr không nghe, dẫn đến vợ chồng ngày càng mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng ngày càng áp lực. Chị T đã nói với bố mẹ đẻ là không thể chịu đựng được cách đối xử của chồng, ông bà cũng đã gặp gỡ, động viên anh. Tuy nhiên, anh Tr ngày một quá đáng hơn, nên năm 2018 chị đã về nhà ông sinh sống, thỉnh thoảng mới về nhà thăm và mua quà cho các con. Do nhận thấy cuộc sống vợ chồng quá căng thẳng, nên ông không dám ép chị T tiếp tục về ở cùng anh Tr do anh Tr đã gửi đơn đến Tòa. Khi cán bộ Tòa đến đưa giấy của Tòa, nhưng chị T không nhận, vì lo sợ bị anh Tr lừa dối gạt nợ và bản thân ông cũng đã không cho chị T ký nhận bất cứ giấy tờ gì. Hiện chị T đi làm, không có nhà và cũng không cho biết địa chỉ cư trú. Tuy nhiên, chị biết rõ việc anh Tr ly hôn và có thể hiện quan điểm, thông qua gia đình: chị T xác định, tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí ly hôn với anh Tr; Về con chung: Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định; Về tài sản, công nợ: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Quá trình giải quyết yêu cầu ly hôn của anh. Tòa án tiến hành xác minh tại Hội phụ nữ thôn, trưởng thôn P về tình trạng vợ chồng, thì được cung cấp: Vợ

chồng anh chị Tr, T sau khi kết hôn năm 2009, đã về chung sống tại thôn P, xã T, Kim Thành, Hải Dương cùng bố mẹ chồng, vợ chồng đã có hai con chung, cách đây khoảng năm 2015, 2016 vợ chồng bắt đầu có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế vợ chồng khó khăn, trường thôn đã có gặp gỡ, hòa giải mâu thuẫn, để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ, mặc dù vợ chồng không đề nghị hòa giải, nhưng chị T vẫn cố tình gây mâu thuẫn và đã sống ly thân với anh Tr bằng cách về sống ở nhà bố mẹ đẻ chị.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm xin ly hôn; Bị đơn đã được niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vẫn không có ý vắng mặt, không có lý do;

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: *Về tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn được Tòa triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhiều lần, nhưng đều vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết là không chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. *Về nội dung:* Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đề nghị giải quyết cho ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao các con cho anh tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh, không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con; về tài sản, nợ chung: Các bên chưa yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Thời điểm thụ lý vụ án xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Tr bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại huyện Kim Thành, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn cố ý dấu địa chỉ và cố tình vắng mặt tại phiên tòa nhiều lần, không có lý do, nên Tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về yêu cầu xin ly hôn:* Anh Nguyễn Văn Tr và chị Đào Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Kim Thành ngày 26/10/2009 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của anh Tr, lời khai của những người làm chứng, ban ngành đoàn thể địa phương nơi vợ chồng cư trú và của gia đình là có đủ cơ sở xác định vợ chồng anh Tr, chị T chung sống đã có mâu thuẫn đến mức trầm trọng, nguyên nhân do tính cách vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn cãi vã, cuộc sống căng thẳng, nặng nề, vợ chồng sống không còn hạnh phúc. Chị tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ

tháng 01/2018 (sau khi Tòa đã thụ lý giải quyết việc ly hôn của anh chị vào tháng 12/2017), sau đó bỏ đi, cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú từ tháng 12/2018 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Việc chị cố ý vắng mặt, không phải do vợ chồng còn có thể đoàn tụ, mà chỉ là do lo ngại việc bị anh lừa dối nợ nần và cũng là cách để chị gây khó khăn cho anh khi anh chủ động xin ly hôn chị. HĐXX xác định đã có đủ cơ sở xác định tình trạng đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn Tr và chị Đào Thị T có 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 05/02/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 13/10/2015, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, chị bỏ đi, không thể hiện quan điểm chính thức, anh lại có quan điểm tự nguyện được trực tiếp nuôi các con và không yêu cầu chị đóng góp. HĐXX xét thấy là phù hợp pháp luật và nguyện vọng của con, cũng như đảm bảo quyền lợi của các con chung, nên chấp nhận là phù hợp theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản, công nợ chung*: các đương sự đều không đề nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, anh Tr là nguyên đơn trong vụ án Hôn nhân và Gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: Điều 35; Điều 39; Điều 227, 228; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử về tình cảm vợ chồng:

Chấp nhận yêu cầu của Anh Nguyễn Văn Tr. Xử cho Anh Nguyễn Văn Tr được ly hôn với chị Đào Thị T.

3. Về con chung: Xử giao con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 05/02/2011 và Nguyễn Thị N, sinh ngày 13/10/2015 cho anh Nguyễn Văn Tr trực tiếp nuôi dưỡng; kể từ tháng 8/2019 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của anh, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người

không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Tr phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh Tr đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2016/0000687 ngày 25/12/2017, anh Tr đã nộp xong án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, thời hạn chống án được tính kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản sao bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- UBND xã T, huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thế Hưng